

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN CƯỜNG

TỔNG HỢP

Kết quả lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo đề án sắp xếp thôn, xóm trên địa bàn xã năm 2026

(Kèm theo Thông báo số: 1825/TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Yên Cường)

TT	Thôn, xóm	Nội dung lấy ý kiến Nhân dân	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến hộ gia đình						
			Tổng số hộ gia đình	Đại diện hộ gia đình tham gia lấy ý kiến		Số đại diện hộ gia đình đồng ý		Số đại diện hộ gia đình không đồng ý	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Xóm 1	Sắp xếp toàn bộ Xóm 1 với Xóm 2 thành thôn An Lại	213	197	92.49	197	92.49	0	0.00
2	Xóm 2		203	200	98.52	200	98.52	0	0.00
3	Xóm 3		199	172	86.43	165	82.91	7	3.52
4	Xóm 4	Sắp xếp toàn bộ Xóm 3, Xóm 4, Xóm 5 và Xóm 6 thành thôn Thanh Thụ	183	165	90.16	160	87.43	5	2.73
5	Xóm 5		217	188	86.64	188	86.64	0	0.00
6	Xóm 6		227	194	85.46	194	85.46	0	0.00
7	Xóm 9	Sắp xếp toàn bộ Xóm 9, Xóm 10 và Xóm 11 thành thôn Dương Phạm	302	302	100.00	302	100.00	0	0.00
8	Xóm 10		241	228	94.61	228	94.61	0	0.00
9	Xóm 11		167	167	100.00	167	100.00	0	0.00
10	Xóm 12	Sắp xếp toàn bộ Xóm 12, Xóm 13, Xóm 14 và Xóm 15 thành thôn Phạm Xá	198	195	98.48	195	98.48	0	0.00
11	Xóm 13		232	205	88.36	205	88.36	0	0.00
12	Xóm 14		244	221	90.57	221	90.57	0	0.00
13	Xóm 15		199	199	100.00	199	100.00	0	0.00
14	Thôn Lê Lợi	Sắp xếp toàn bộ thôn Lê Lợi, thôn Hùng Vương, thôn Cầu và thôn Trúc thành thôn Lê Hùng	259	220	84.94	220	84.94	0	0.00
15	Thôn Hùng Vương		179	179	100.00	178	99.44	1	0.56
16	Thôn Cầu		225	224	99.56	224	99.56	0	0.00
17	Thôn Trúc		191	191	100.00	191	100.00	0	0.00
18	Thôn Trạng Vĩnh	Sắp xếp toàn bộ thôn Trạng Vĩnh, thôn Trung và thôn Nguyễn thành thôn Vĩnh	264	264	100.00	264	100.00	0	0.00
19	Thôn Trung		157	146	92.99	145	92.36	1	0.64

TT	Thôn, xóm	Nội dung lấy ý kiến Nhân dân	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến hộ gia đình						
			Tổng số hộ gia đình	Đại diện hộ gia đình tham gia lấy ý kiến		Số đại diện hộ gia đình đồng ý		Số đại diện hộ gia đình không đồng ý	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
20	Thôn Nguyễn	Giang	255	254	99.61	254	99.61	0	0.00
21	Thôn Vĩnh Yên	Sắp xếp toàn bộ thôn Vĩnh Yên, thôn An Quang và thôn An Thành thành thôn Vĩnh Thành	350	327	93.43	324	92.57	3	0.86
22	Thôn An Quang		352	350	99.43	349	99.15	1	0.28
23	Thôn An Thành		261	261	100.00	261	100.00	0	0.00
24	Thôn Đồng Thái	Sắp xếp toàn bộ thôn Đồng Thái, thôn Yên Thịnh, thôn An Phú và thôn Đồng Tân thành thôn Hồng Thịnh	294	246	83.67	246	83.67	0	0.00
25	Thôn Yên Thịnh		223	213	95.52	213	95.52	0	0.00
26	Thôn An Phú		154	137	88.96	137	88.96	0	0.00
27	Thôn Đồng Tân		151	151	100.00	151	100.00	0	0.00
28	Thôn Phúc Đình	Sắp xếp toàn bộ thôn Phúc Đình, thôn Vụ Ngoại và thôn Minh Đức thành thôn Trung Thành	293	274	93.52	274	93.52	0	0.00
29	Thôn Vụ Ngoại		289	264	91.35	264	91.35	0	0.00
30	Thôn Minh Đức		241	232	96.27	218	90.46	14	5.81
31	Thôn Tân Thành	Sắp xếp toàn bộ thôn Tân Thành, thôn An Ninh và thôn Tân Tiến thành thôn Đồng Cao Thượng	243	234	96.30	234	96.30	0	0.00
32	Thôn An Ninh		166	166	100.00	166	100.00	0	0.00
33	Thôn Tân Tiến		274	274	100.00	274	100.00	0	0.00
34	Thôn Đông Tiền Phong	Sắp xếp toàn bộ thôn Tây Tiền Phong, thôn Đông Tiền Phong và thôn Hòa Bình thành thôn Đồng Cao	185	185	100.00	185	100.00	0	0.00
35	Thôn Tây Tiền Phong		161	161	100.00	161	100.00	0	0.00
36	Thôn Hoà Bình		174	170	97.70	170	97.70	0	0.00
37	Thôn Trục mỹ	Sắp xếp toàn bộ thôn Trục Mỹ và thôn Duyên Mỹ thành thôn Tân Mỹ	339	337	99.41	331	97.64	6	1.77
38	Thôn Duyên Mỹ		137	135	98.54	135	98.54	0	0.00
39	Thôn Phúc Xá	Sắp xếp toàn bộ thôn Phúc Xá, thôn Mậu Lục và thôn Nhân Lý thành thôn Trung Cường	339	278	82.01	278	82.01	0	0.00
40	Thôn Mậu Lục		236	226	95.76	224	94.92	2	0.85
41	Thôn Nhân Lý		185	185	100.00	185	100.00	0	0.00
42	Thôn Tâm Bình	Sắp xếp toàn bộ thôn Tâm Bình, thôn Thắng Lợi và thôn Quyết Tiến thành thôn Thức Vụ	340	335	98.53	334	98.24	1	0.29
43	Thôn Thắng Lợi		336	336	100.00	336	100.00	0	0.00
44	Thôn Quyết Tiến		157	157	100.00	157	100.00	0	0.00

TT	Thôn, xóm	Nội dung lấy ý kiến Nhân dân	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến hộ gia đình						
			Tổng số hộ gia đình	Đại diện hộ gia đình tham gia lấy ý kiến		Số đại diện hộ gia đình đồng ý		Số đại diện hộ gia đình không đồng ý	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
45	Thôn Đông Mẫu	Sắp xếp toàn bộ xóm 7, xóm 8 và thôn Đông Mẫu thành thôn Khánh Hòa	345	317	91.88	312	90.43	5	1.45
46	Xóm 7		164	164	100.00	164	100.00	0	0.00
47	Xóm 8		188	184	97.87	184	97.87	0	0.00
48	Thôn Nguồn	Sắp xếp toàn bộ thôn Nguồn và thôn Phúc Lâm thành thôn Bình Minh	331	331	100.00	331	100.00	0	0.00
49	Thôn Phúc Lâm		217	215	99.08	215	99.08	0	0.00
	Tổng		11480	10956	95,43%	10910	95,03%	46	0,40%